**TUẦN 4**

*Sáng* ***Thứ hai, ngày 30 tháng 9 năm 2024***

Hoạt động trải nghiệm

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: THAM GIA VUI TẾT TRUNG THU**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**-** HS hiểu được ý nghĩa và những hoạt động của ngày Tết Trung thu, có cảm xúc tích cực về ngày Tết Trung thu.

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu 4  + Ổn định tổ chức.  + Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ  + Đứng nghiêm trang  + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca  + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.  - GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ: là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.  + Ý nghĩa của tiết chào cờ: giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.  + Một số hoạt động của tiết chào cờ:    - Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần  - Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.  \*Góp phần giáo dục một số nội dung: An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.    - Nhà trường triển khai một số nội dung đến ngày tết Trung thu.  - Kể cho HS nghe những câu chuyện hay và ý nghĩa về tết Trung thu.  - Tổ chức múa hát, rước Trung thu cho HS toàn trường.  - Thi bày mâm cỗ Trung thu. | - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - Thực hiện nghi lễ chào cờ  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện. |

**----------------------------------------------------------**

Tiếng việt

**BÀI 16: GH (T1+T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có g, gh.

- Nắm được quy tắc chính tả: gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...

- Đọc đúng bài Tập đọc Ghế.

- Viết đúng các chữ gh*,* tiếng ghế gỗ*;* chữ số: 6*,* 7 (trên bảng con).

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Bước đầu biết cảm nhận được nội dung và ý nghĩa bài đọc

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học: - Tivi, tranh, SGK,**

**II. Hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **Tiết 1**  **1. Mở đầu**  - GV kiểm tra 2 HS đọc bài Tập đọc Bể cá (bài 15).  **2. Hình thành kiến thức mới**  Khám phá:  \*Giới thiệu bài: Giới thiệu bài học về âm gờ và chữ gh (tạm gọi là *gờ kép* để phân biệt với chữ g là *gờ đơn).*  - GV chỉ chữ gh, phát âm: gờ  - GV lưu ý: Ở đây, âm gờ được ghi bằng chữ gờ kép.  Bài 1: Làm quen  - GV chỉ hình ghế gỗ, hỏi: Đây là cái gì?  - GV: Trong từ ghế gỗ, tiếng nào có chữ gờ kép.  - Tiếng ghế có âm gờ đứng trước, âm ê đứng sau, dấu sắc đặt trên ê. Âm gờ viết bằng chữ gờ kép.  - HS (cá nhân,tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng:  **3. Luyện tập:**  a)Mở rộng vốn từ (Bài 2: Tiếng nào có chữ g? Tiếng nào có chữ gh?)  - GV giải nghĩa từ: gà gô, ghẹ.  b) Quy tắc chính tả (Bài 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu quy tắc chính tả g*/*gh*,* giải thích:. Bảng này cho các em biết khi nào âm gờ viết là gờ đơn (g); khi nào âm gờ viết là gờ kép (gh).  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ e, ê, i, âm gờ viết là gh kép.  - GV chỉ sơ đ*ồ* 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm gờ viết là g đơn.  **2. Tập đọc: Bài 4.**  a) GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc.  b) GV đọc mẫu; kết hợp chỉ từng hình giới thiệu các loại ghế:  **Tiết 2**  \* Luyện đọc từ ngữ: ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.  \* Luyện đọc câu:  - GV: Bài có 4 tranh và 4 câu bên tranh.  \* Tìm hiểu bài đọc:  - GV đưa ra câu hỏi trong nội dung bài.  **3. Tập viết** (bảng con ).  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn: gh, ghế gỗ; 6, 7.  - GV cùng HS nhận xét.  **4. Vận dụng**: GV nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả g /gh.  - Tìm tiếng có âm gh.  - Nhận xét tiết học | - 2 HS đọc bài Bể cá.  - HS theo dõi lắng nghe.  - HS đọc lại đề bài.  - HS đọc (CN - L) gờ.  - HS trả lời.  - HS trả lời Tiếng ghế.  - HS phân tích.  - Một số HS nhắc lại.  - HS đánh vần, và đọc tiếng.ghế, gỗ.  - HS đọc: gà gô*,* ghi*,* gõ*,...*  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS làm bài . Báo cáo kết quả.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời.  - Cả lớp đánh vần.  - Cả lớp nhìn sơ đồ, nhắc lại quy tắc trên: gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...  - HS chú ý.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS đọc từng tiếng trong 1 câu.  - Thi đọc đoạn, bài (N, CN, T, L ).  - Đọc nối tiếp từng câu.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - HS trả lời.  - Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: gh, ghế gỗ; 6, 7.  - HS chú ý theo dõi.  - Cả lớp viết bảng con.  - HS viết: gh (2 - 3 lần). Sau đó viết: ghế gỗ (2 lần); 6, 7 (2 lần). |

Chiều

Toán

**LỚN HƠN - DẤU >, BÉ HƠN - DẤU <, BẰNG NHAU - DẤU = (T1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

**2. Năng lực cần đạt:**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

3. Phẩm chất: Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

- Vở, SGK

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. | - HS nhận xét. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  *a. Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >*  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: |  |
| Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: |  |
| Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”. | - HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 > 1, đọc “4 *lớn hơn* 1” |
| - Thực hiện tương tự |  |
| *b. Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <*  (Tương tự) |  |
| *c. Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =* |  |
| (Tương tự) |  |
| **3. Thực hành, luyện tập**  *Bài 1: >, <, =* |  |
| - HS quan sát hình vẽ thứ nhất, thảo luận nhóm đôi và thưc hiện | - HS quan sát |
| -YC HS đổi vở, chia sẻ kết quả  -Nhận xét | Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 2: >, <, =*  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô.  -Nhận xét | - HS quan sát , thực hiện điền dấu thích hợp.  2<3 3>2 2=2 |
| - Nhận xét | HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: 3 >2; 2 = 2.  Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 3:*  *a.* HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.  -Nhận xét | - HS thực hiện |
| b. Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  YCHS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  -Nhận xét | b) 3<5 4>2 4<5 5=5  Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. |
| 4. Vận dụng  - YCHS tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.  -Nhận xét | -Thực hiện |

--------------------------------------------------------------

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TOÁN: ÔN CÁC SỐ TỪ 0 - 10**

**I. Yêu cầu cần đạt**:

- Củng cố cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10, đọc, viết số 10.

- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu.**  **2. Hướng dẫn tự học**  a. Đọc số  - GV yêu cầu HS đếm các số từ 0 đến 10  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra que tính tương ứng với số 10.  - GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.  - Y/C HS lên bảng đếm  - Nhận xét.  b. Viết số 10  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10.  c. Luyện tập.  Bài 1.  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.    - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  Bài 2. Chọn số thích hợp:  - GV nêu yêu cầu bài tập  1, 2, ..., 4, ..., ....., 7. ......, 9,......  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.  3. Củng cố dặn dò | - HS hát  - HS đếm  - HS đếm và trả lời :  - HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.  - HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.  - HS ở dưới theo dõi và nhận xét.  - Học sinh viết bảng con.  - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn:  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS làm bài  - HS kể |

*-------------------------------------------------*

***Thứ ba, ngày 1 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 17: GI- K** (T1+2)

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết âm và chữ cái gi, k; đánh vần, đọc đúng tiếng có mô hình âm đầu gi k + âm chính.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm gi (gi), âm k (cờ).

- Nắm được quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,...

- Đọc đúng bài tập đọc Bé kể.

- Biết viết các chữ gi, k và các tiếng giá (đỗ), kì (đà) trên bảng con.

### 1.2. Phát triển năng lực văn học

### - Bước đầu biết cảm nhận được nội dung và ý nghĩa bài đọc

### 2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu học tập.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng học tập:**

- GV: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  - GV gọi 2 HS đọc bài *Ghế.*  + GV nhận xét.  **2. Hình thành kiến thức mới.**  Khám phá  a. Giới thiệu bài: âm và chữ cái gi, k.  - GV chỉ tên bài (chữ gi), nói: gi (phát âm giống di). GV chỉ tên bài (chữ k), nói: k (ca)..  - GV giới thiệu chữ K in hoa.  b. Âm gi, chữ gi:  - GV đưa lên bảng lớp hình ảnh và từ giá đỗ, hỏi : Đây là gì?  - GV: Trong từ giá đỗ, tiếng nào có âm gi? (Tiếng giá).  - GV chỉ từ giá.  - Y/c HS tìm trong bảng chữ cái cài lên bảng gài tạo thành tiếng giã, dơ bảng theo hiệu lệnh của gv.  - GV chỉ từ giá.  - Phân tích tiếng giá:  - Tiếng giá có mấy âm?  - Đánh vần: Gi - a- gia - sắc - giá.  c. Âm k, chữ k: (Dạy tương tự âm gi, chữ gi).  **3. Luyện tập**  1. Mở rộng vốn từ (BT2): Tiếng nào có chữ gi? Tiếng nào có chữ k?  - Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đôi tìm tiếng có chữ gi, k.  - Gọi HS nêu các tiếng.  - Khuyến khích học sinh tìm tiếng ngoài bài.  - Nhận xét, tuyên dương.  2. Quy tắc chính tả (BT 3: Ghi nhớ)  - GV giới thiệu quy tắc chính tả c / k: Cả 2 chữ c (cờ) và k (ca) đều ghi âm cờ. Bảng này cho các em biết khi nào âm cờ viết là c; khi nào âm cờ viết là k.  - Gọi HS nhắc lại quy tác chính tả.  - Gọi HS đọc các tiếng từ trong bảng.  3. Tập đọc (BT 4).  a. GV chỉ hình ảnh mâm cỗ trong bữa giỗ, nêu câu hỏi.  b. GV đọc mẫu toàn bài tập đọc.  Tiết 2:  c. Hướng dẫn HS luyện đọc từ ngữ: bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.  d. Luyện đọc câu.  - Bài có 6 câu, GV đánh số TT từng câu trên bảng.  - GV chỉ từng câu.  e. Thi đọc đoạn, bài theo cặp.  - Yêu cầu HS luyện đọc cá nhân sau đó đọc nối tiếp theo nhóm đôi.  - Nhận xét, tuyên dương  4. Tập viết (bảng con - BT 5)  a. GV chỉ: gi, k, giá đỗ, kỳ đà.  b. GV vừa viết từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:  - Chữ gi là ghép từ 2 chữ g và i, viết g trước, i sau.  Tương tự với các chữ: k, giá (đỗ), kì (đà)  - Nhận xét, sửa chữa.  **5. Vận dụng:**  - Gọi HS đọc lại bài đã học.  - Về nhà tìm các tiếng có gi, k luyện viết và luyện đọc. | - 2 HS đọc bài.  - Cả lớp viết bảng con ghé gỗ.  - Cả lớp, nhóm, cá nhân đọc.  - Lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS đọc: CN, T, cả lớp.  - Giá đỗ.  - Lắng nghe.  - HS trả lời.  - Thực hiện: CN, T, lớp    - HS trao đổi nhóm đôi: tìm tiếng có gi, có k;  - gi: giẻ, giò, giỏ cá  k: kể, kẻ, bờ kè.  - gi gian, giàn, giao, giáo,...); có k (kì, kê, kém, kiên,...).  - Lắng nghe.  - HS (cá nhân, cả lớp) nhìn sơ đồ, nói lại quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,.  - Thực hiện.  - HS đọc CN, N, CL.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc từ ngữ: CN, N, CL.  - HS đánh vần, đọc trơn.    - Cả lớp đọc thầm 1 lượt.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  - 1 HS đọc cả bài.  - Đọc nối tiếp từng câu: CN, T  - Thi đọc cá nhân.  - Nhận xét.  - Các cặp luyện đọc, thi đọc.  - HS theo dõi, quan sát.  - Cả lớp nhìn sách đọc lại toàn bài.  - HS đọc gi, k, giá đỗ, kì đà  - HS viết: gi, k (2 lần). Sau đó viết: giá (đỗ), kì (đà).  - Nhận xét. Lắng nghe.  - 2 - 3 HS đọc. |

--------------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**AN TOÀN KHI VUI CHƠI**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm khi vui chơi.

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi.

- Tự điều chỉnh hành vi và bảo vệ bản thân khi tham gia vui chơi

2**. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Phấn khởi, mạnh dạn, tự tin khi tham gia vui chơi, trò chuyện cùng các bạn khi chơi

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn, thể hiện các ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là biết cách ứng xử phù hợp khi gặp tình huống xảy ra khi tham gia vui chơi

**II. Chuẩn bị:**

- Một số vật dụng để HS tham gia trò chơi: 1 quả bóng nhựa để chơi chuyền bóng, 1 chiếc khăn để chơi trò Bịt mắt bắt dê: các bông hoa có dán ảnh hoặc ghi tên những trò chơi an toàn và không an toàn.

- Thẻ mặt cười, mặt mếu.

- Giấy A0, giấy màu, bút vẽ.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài: |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày An toàn khi vui chơi. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)** | |
| **Hoạt động 1. Cùng vui chơi.** | |
| \* Cách tiến hành:  - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - GV cho mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia.  - GV cho các nhóm chơi trò chơi mình đã chọn: | - HS chia mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS.  - Mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia: trò chơi chuyền bóng, trò chơi bịt mắt bắt dê, trò chơi thả đỉa ba ba.  - HS chơi trò chơi theo nhóm. |
| *Bước 1.* Thảo luận cặp đôi:  - GV cho HS tạo thành các cặp đôi.  - Cho các cặp HS chia sẻ theo các câu hỏi gợi ý:  *+ Bạn vừa tham gia trò chơi nào?*  *+ Khi tham gia trò chơi, bạn cảm thấy như thế nào?*  *+ Theo bạn, nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi tham gia, trò chơi đó?* | - HS tạo thành các cặp đôi theo bàn.  - HS 1 nêu câu hỏi, HS2 trả lời câu hỏi của bạn. Sau đó đổi vai.  + HS trả lời  + HS trả lời theo cảm nhận của bản thân.  + HS trả lời theo quan điểm của mình. |
| *Bước 2.* Làm việc cả lớp:  - GV cho 2 đến 3 cặp HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét chung và đặt câu hỏi:  *+ Ngoài những trò chơi vừa được tham gia, các em còn tham gia các trò chơi nào khác?*  *+ Những trò chơi nào chúng ta nên chơi ở trường? Vì sao?* | - Đại diện các nhóm lên chia sẻ về cảm xúc của bản thân sau khi tham gia trò chơi.  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi.  *+ HS trả lời theo vốn sống của mình.*  *+ HS đưa ra quan điểm cảu mình.* |
| \*GV kết luận:  - Có rất nhiều trò chơi khác nhau, vui chơi giúp chúng ta giải toả căng thẳng, mệt mỏi. Tuỳ từng thời gian và địa điểm mà em nên chọn những trò chơi phù hợp để đảm bảo an toàn. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | |
| **- Hoạt động 2: Quan sát tranh và chọn  hoặc .** | |
|  | |
| - Cho HS quan sát các hình từ 1 đến 4 trong SGK trang 13 và thảo luận cặp đôi:  *+ Các bạn trong mỗi tranh đang tham gia trò chơi gì?*  *+ Em có đồng tình với các bạn trong tranh không? Vì sao? Chọn mặt cười dưới trò chơi em đồng tình và chọn mặt mếu dưới trò chơi em không đồng tình.*  *+ Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi vui chơi?*  - GV mời một số cặp HS lên trước lớp, chỉ tranh và bày tỏ thái độ của mình với việc làm của các bạn trong tranh.  - GV cùng HS nhận xét  - GV có thể đặt câu hỏi để HS liên hệ thêm về bản thân: *Em đã từng tham gia trò chơi giống bạn chưa? Nếu em có mặt ở đó, em sẽ nói với các bạn điều gì?* | - Làm việc theo nhóm  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS trả lời cá nhân. |
| \* Kết luận:  - Khi ở trường hoặc những nơi công cộng, đông người, em không nên chơi những trò chơi đuổi bắt. Khi tham gia trò chơi, em nên lưu ý: chọn chỗ chơi an toàn không chơi ở vỉa hè, lòng đường, tránh chạy nhảy quá nhanh có thể gây ngã, bị thương không nên chơi dưới trời nắng to hoặc trời mưa vì có thể bị ốm. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **Hoạt động 3: Thực hành cam kết “Vui chơi an toàn”** | |
|  | |
| *Bước 1.* Cá nhân chọn bông hoa vui chơi an toàn:  - GV cho HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học.  *Bước 2.* Cả lớp cùng làm bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV giới thiệu bảng “Cam kết vui chơi an toàn được làm bằng tờ giấy Ao.  - Cho HS lên dán những bông hoa đã chọn.  *Bước 3.* Trưng bày và giới thiệu về bảng “Cam kết vui chơi an toàn”.  - GV mời HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình.  - GV trưng bày bảng “Cam kết vui chơi an toàn” ở cuối lớp hoặc treo ở tường hoặc bên ngoài hành lang của lớp học. | - Làm việc cá nhân.  - HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học.  - Làm việc cả lớp  - Lắng nghe  - Từng HS dán những bông hoa đã chọn về những việo sẽ làm để vui chơi an toàn lên bảng cam kết.  - Làm việc cả lớp  - Một số HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình. |
| **3. Vận dụng: (2 phút)**  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về Vui chơi an toàn.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

---------------------------------------------------

Chiều Tiếng việt

**TẬP VIẾT (SAU BÀI: 16, 17)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Tô, viết đúng các chữ gh, gi, k, ghế gỗ, giá đỗ, kì đà - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số 6, 7.

**1.2. Phát triển năng lực văn học**

- Nắm vững quy trình viết chữ.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Các chữ mẫu gh*,* gi*,* k đặt trong khung chữ.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu:**  \* Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hình thành kiến thức mới:**  - GV cho HS đọc trên bảng các chữ, tiếng: gh*,* ghế gỗ*,* gi*,* giá đỗ*,* k*,* kì đà*.*  a) Tập tô, tập viết: gh*,* ghế gỗ  - GV gọi HS nhìn bảng, đọc: gh*,* ghế gỗ*;* nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  b) Tập tô, tập viết: gỉ*,* k*,* giá đỗ*,* kỳ đà (Các bước thực hiện như mục b).  c) Tập tô, tập viết chữ số: 6, 7  - GV hướng dẫn viết.  **3. Vận dụng:**  - Đọc lại bài vừa học  - Tuyên dương những học sinh đã viết xong, khuyến khích những HS chưa hoàn thành. | - HS hát  - HS đọc.  - 1 HS trả lời.  - HS chú ý theo dõi.  - HS tô, viết. các chữ, tiếng: gi*,* giá đỗ, k*,* kỳ đà*.*  - HS lắng nghe.  - HS tô, viết các chữ số: 6*,* 7 trong vở *Luyện viết,* tập một hoàn thành phần: Luyện tập thêm*.* |

-------------------------------------------------------------

Toán

**LỚN HƠN, DẤU > BÉ HƠN, DẤU < BẰNG NHAU, DẤU = (T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ *(lớn hơn, bé hơn, bằng nhau)* và  
các dấu (>, <, =) để so sánh các số.

**2. Năng lực cần đạt:**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Chuẩn bị:**

- Các thẻ số và các thẻ dấu.

- Vở, SGK

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh. | - HS nhận xét. |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  *a. Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu >*  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: |  |
| Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: |  |
| Nghe GV giới thiệu: “4 quả bóng nhiều hơn 1 quả bỏng”, ta nói: “4 *lớn hơn* 1”, viết 4 > 1. Dấu > đọc là “lớn hơn”. | - HS lấy thẻ dấu > trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài 4 > 1, đọc “4 *lớn hơn* 1” |
| - Thực hiện tương tự |  |
| *b. Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu <*  \* Tương tự |  |
| *c. Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu =* |  |
| \* Tương tự |  |
| **3. Thực hành, luyện tập**  *Bài 3: >, <, =* |  |
| - HS quan sát hình vẽ thứ nhất, thảo luận nhóm đôi và thưc hiện | - HS quan sát |
| -YC HS đổi vở, chia sẻ kết quả  -Nhận xét | Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 4: >, <, =*  - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô.  -Nhận xét | - HS quan sát , thực hiện điền dấu thích hợp.  2<3 3>2 2=2 |
| - Nhận xét | HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: 3 >2; 2 = 2.  Đổi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 5:*  *a.* HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con.  -Nhận xét | - HS thực hiện |
| b. Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở.  YCHS đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.  -Nhận xét | b) 3<5 4>2 4<5 5=5  Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. |
| **4. Vận dụng**  - YCHS tìm các ví dụ xung quanh lớp học, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với các bạn.  -Nhận xét | -Thực hiện |

*------------------------------------------------------------*

***Thứ tư, ngày 2 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 18 : KH – M ( T1+T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các âm và chữ cái kh, m; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có kh, m

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm kh, âm m.

- Đọc đúng bài tập đọc *Đố bé.*

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: kh, m, khế, me.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

- Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**

- GV: Học liệu điện tử, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| Tiết 1  **1. Mở đầu**  - Ổn định.  - Tổ chức trò chơi Tìm âm đã học  GV: Tìm tiếng có âm có chứa âm gi, âm k đã học?  - GV nhận xét, tuyên dương HS chơi  **2. Hình thành kiến thức mới**  Khám phá  - GV chiếu lên bảng tên bài kh, m. Giới thiệu bài mới: âm kh và chữ kh, âm m và chữ m  - GV giới thiệu chữ M in hoa  **HĐ1**: Dạy âm kh, chữ kh.(BT1:Làm quen)  - GV chỉ hình quả khế cho hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Đây là quả gì?  - GV: Khế có loại ngọt hoặc chua thường dùng để nấu canh  - GV viết bảng khế  \* Phân tích:  - GV viết bảng mô hình tiếng khế  - GV chỉ mô hình đọc mẫu  - GV hỏi: Tiếng khế gồm những âm nào?  - Nhận xét  \* Đánh vần:  - GV đánh vần mẫu khế  **HĐ2** : Dạy âm m, chữ m.  (Các bước tương tự như dạy âm kh, chữ kh).  3. Luyện tập :  **HĐ3** : Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm kh, tiếng nào có âm m)  \* Tìm tiếng có âm kh  - GV chỉ từng hình  - GV nhận xét chốt ý đúng  \* Tìm tiếng có âm m.  (Quy trình dạy tương tự tìm tiếng có âm kh)  **HĐ4**: Tập đọc (BT3)  aGV chỉ hình minh họa bài đọc *Đố bé*  +Bài có mấy nhân vật ?  - GV xác định lời các nhân vật  - Gv chỉ lần lượt các từ dưới các hình 2,3,4  - GV đọc mẫu  Tiết 2  b. Luyện đọc từ ngữ: đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li  c, Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh:  d. Thi đọc đoạn, cả bài, đọc theo lời nhân vật.  e. Tìm hiểu bài đọc.  + Qua bài đọc, em hiểu điều gì?  **HĐ5**: Tập viết (Bảng con- BT4)  a. viết chữ kh, m:  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết chữ kh, m  - GV nhận xét  b. Viết tiếng khế, me  - GV hướng dẫn cách viết  4. Vận dụng  - Khuyến khích HS ề nhà viết chữ trên bảng con  5. Củng cố, dặn dò: Về nhà luyện đọc và viết lại bài kh, m. | - Hát  - HS nối tiếp nhau tìm  - Lắng nghe  - Cả lớp đọc kh, m  - HS quan sát, trả lời: quả khế  - HS nhận biết  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: khờ-ê-khê-sắc-khế/khế  - HSTL  - HS đánh vần CN-tổ -lớp  - HS lần lượt nói CN, lớp: mẹ, mỏ, khe đá...  - HS làm bài theo cặp  - HS nhìn hình nói tiếng có âm kh: khe, kho, khỉ  - HS nối tiếp nhau nói tiếng có âm kh ngoài bài:  - Lắng nghe.  - HS lần lượt nói.  - HS đọc cá nhân, tổ  - HS nối tiếp nhau đọc, cặp, tổ, lớp  - CN, tổ thi đọc bài  - Cả lớp đọc bài ở SGK  - HS đọc trên bảng lớp  - HS: Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc...  - HS viết bảng con (2-3 lần)  - HS viết bảng con (2-3 lần)  - Đọc tiếng vừa viết trên bảng con |

--------------------------------------------------------------

***Thứ năm, ngày 3 tháng 10 năm 2024***

Tiếng Việt

**BÀI 19: N - NH (T1+T2)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ n, nh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có n, nh.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm n, âm nh.

- Đọc đúng bài Tập đọc Nhà cô Nhã.

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: n, nh, nơ, nho; chữ số 8, 9.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

- Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

- Mẫu chữ n, nh, tivi.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| Tiết 1  **1. Mở đầu**:  - GV kiểm tra bài Đố bé  **2. Hình thành kiến thức mới**  Khám phá:  - Giới thiệu bài: âm và chữ n, nh.  - GV chỉ chữ n, nói: nờ.  - GV chỉ chữ nh, nói: nhờ  - GV giới thiệu chữ N in hoa.  Bài1: Làm quen  - Âm n và chữ n: GV chỉ hình cái nơ: Đây là gì?).  - GV viết n, ơ = nơ. / Phân tích tiếng nơ. / Đánh vần: nờ - ơ - nơ / nơ.  - Âm nh và chữ nh: Làm tương tự với tiếng nhỏ. Đánh vần: nhờ - o - nho / nho.  \* GV chỉ các âm, từ khoá vừa học, cả lớp: nờ - ơ - nơ / nơ; nhờ - o - nho / nho.  **3. Luyện tập**  1. Mở rộng vốn từ  Bài 2: Tiếng nào có âm n? Tiếng nào có âm nh?)  - GV giải nghĩa từ: *nhị*: loại đàn dân tộc có 2 dây. *Nỏ:* một loại vũ khí cổ dùng để bắn tên. /  Bài 3: Tập đọc  - GV chỉ hình, giới thiệu nhà cô Nhã: Ngôi nhà nhỏ, xinh xắn nằm bên một cái hồ nhỏ.  - GV đọc mẫu; giải nghĩa từ: *cá mè*, *ba ba*.  Tiết 2  + Luyện đọc từ ngữ: cô Nhã, bờ hồ, nhà nho nhỏ, cá mè, ba ba, nho, khế.  - Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ chậm từng câu.  - Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mồi đoạn 2 câu).  + Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (2 câu chưa hoàn chỉnh) cho cả lớp đọc.  - HS nhìn hình minh hoạ, nói tiếp để hoàn thành câu.  - GV chốt bài  Bài 4: Tập viết  - Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng, chữ số vừa học.  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn: n, nh, nơ, nho.  - GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn: Số 8,9  **4. Vận dụng**  - Tiết học này ta học được âm nào?  - Gọi 2 HS đọc lại âm n, nh  - Về nhà cố gắng học bài. | - 2 HS đọc bài *Đố bé* (bài 18).  - HS đọc: nờ. /  - HS: nhờ.  - HS đọc n, nh (ĐT, tổ, cá nhân)  - HS trả lời  - HS phân tích cả lớp, tổ, cá nhân.  - HS gắn lên bảng cài: n, nh.  - HS đọc chữ dưới hình  - HS nói đồng thanh  - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm n, nh.  - HS đọc bài Nhà cô Nhã  - HS đếm: 4 câu.  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng  1HS, cả lớp.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.  - HS đọc  - HS 1 nhìn hình nói tiếp câu a  - HS 2 nhìn hình hoàn thành câu b  - Cả lớp nhìn hình, đọc lại 2 câu văn.  - Cả lớp đọc lại 2 trang của bài 19; đọc 7 chữ vừa học trong tuần, cuối trang 38.  - HS đọc: n, nh, nơ, nho.  - HS theo dõi, quan sát  - HS viết: n, nh (2 lần). / Viết: nơ, nho. / Viết: 8, 9.  - HS trả lời, đọc lại bài vừa học |

*--------------------------------------------------------------------*

Ôn luyện kiến thức

**LUYỆN TIẾNG VIỆT: LUYỆN ĐỌC, VIẾT GI - K**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù**

**1.1 Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Giúp HS củng cố về đọc viết âm k và chữ gi đã học.

- Viết đúng các chữ k và gi và các chữ ghi tiếng có âm k, gi

- Cũng cố về quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,...

### 1.2. Phát triển năng lực văn học

- Bước đầu biết cảm nhận được nội dung và ý nghĩa bài đọc

**2. Phẩm chất**

-Bước đầu biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm đôi

-Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét chữ, trình bày đẹp bài tập viết.

-Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

-Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Chuẩn bị**

-Máy tính, máy chiếu để chiếu hình ảnh của bài học lên màn hình.

-Tranh, ảnh, mẫu vật.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Mở đầu**  \*Khởi động  - Em hãy kể tên những âm và vần đã học  **2. Luyện tập**  a. Ôn đọc:  - GV ghi bảng.  - gi: giẻ, giò, giỏ cá  k: kể, kẻ, bờ kè.  - gi gian, giàn, giao, giáo,...); có k (kì, kê, kém, kiên,...).  - GV nhận xét, sửa phát âm.  b. Viết:  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  - gi: giẻ, giò, giỏ cá .Mỗi chữ 2 dòng.  k: kể, kẻ, bờ kè. Mỗi chữ 2 dòng  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **3. Vận dụng:**  - Tìm các tiếng ngoài sách có âm k, âm gi  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS kể  - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.          - HS viết vở ô ly.    - Dãy bàn 2 nộp vở.   * HS lần lượt tìm và trả lời |

------------------------------------------------------

***Thứ sáu, ngày 4 tháng 10 năm 2024***

*Sáng* Tiếng Việt

**TẬP VIẾT SAU BÀI 18, 19**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

*-* Tô, viết đúng các chữ kh, m, n, nh, các tiếng khế, me, nơ, nho - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Tô, viết đúng các chữ số 8, 9.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

- Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của chữ viết.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học**: - GV: Chữ mẫu.

- HS: Bảng con, phấn, vở tập viết.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu**  - GV viết: kh, m, n, nh, khế, me, nơ, nho.  - Giới thiệu bài: GV giới thiệu bài, ghi bảng  **2. Hình thành kiến thức mới:**  a. Yêu cầu HS đọc các chữ: *kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho.*  b. Tập tô, tập viết: kh, khế, m, me.  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn quy trình viết từng chữ, tiếng.  - Chữ kh viết k trước h sau.  - Tiếng me viết m trước, e sau.  c. Tập tô, viết: n, nơ, nh, nho  - Chữ nh viết n trước h sau.  Tiếng nho viết nh trước o sau  d. Tập tô, viết chữ số: 8, 9  - Sau mỗi chữ, tiếng, số GV hướng dẫn, Yêu cầu HS viết bài trong vở tập viết.  - Theo dõi, giúp đỡ HS, nhận xét một số bài viết của HS.  **3: Vận dụng**  - Về luyện viết lại các chữ tiếng có âm n, m, nh, kh. | - HS đọc.  - HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng: *kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho.*  - 1 HS đọc các chữ, tiếng.  - HS theo dõi, quan sát.  - HS tập tô, viết vào vở.  - HS thực hiện. |

*-------------------------------------------------------*

Tiếng Việt

**KỂ CHUYỆN: ĐÔI BẠN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, không cần GV hỏi, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người biết quan tâm đến nhau.

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

### - Nhận biết và đánh giá được tính cách của các nhân vật trong câu chuyện.

### 2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học: - Học liệu điện tử.**

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Khởi động**  - Ổn định  + GV chỉ tranh 1, 2 minh họa truyện Hai chú gà con. Mời 2 HS lên kể lại.  + GV chỉ tranh 3, 4  + Mời 1 HS kể toàn chuyện  + GV cho học sinh nhận xét  **2. Hình thành kiến thức mới**  a. Quan sát và phỏng đoán  - GV chiếu lên bảng 6 tranh minh họa.  - GV giới thiệu tên truyện: Đôi bạn  - Các em xem tranh và nói tên các con vật trong tranh.  - GV hãy thử đoán nội dung truyện.  b. Giới thiệu truyện.  - GV giới thiệu: *Đôi bạn*  - GV bật đoạn clip kể chuyện *Đôi bạn* trong phần học liệu  c. GV kể chuyện  + GV kể lần 1: kể không chỉ tranh  +GV kể lần 2: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  + GV kể lần 3: Vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm.  Nội dung câu chuyện: (Trong SGV)  **3. Luyện tập**  a. Trả lời câu hỏi theo tranh.  + GV nêu lần lượt các câu hỏi dưới mỗi tranh  - GV chỉ tranh 1, 2 cho học sinh trả lời các câu hỏi theo 2 tranh  - Tiếp tục cho HS trả lời câu hỏi với các cặp tranh còn lại.  - GV cho HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 bức tranh.  b. Kể chuyện theo tranh  \* GV yêu cầu mỗi HS chọn 2 tranh và tự kể chuyện theo 2 tranh đó.  - GV gọi HS lên kể trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét bạn kể  \* Trò chơi : Ô cửa sổ.  - GV chiểu lên bảng các ô cửa sổ (6 ô cửa sổ)  - GV mở cửa sổ để hiện ra hình minh họa đoạn chuyện.  - GV cho HS chơi trò chơi  - GV mở cả 6 tranh yêu cầu HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  \* GV cất tranh mời HS kể lại câu chuyện.  c. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện  - Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?  - GV nêu kết luận câu chuyện  - GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay.  **4. Vận dụng**  - Về nhà kể lại cho người thân nghe  - Xem trước tranh minh họa, chuẩn bị cho tiết kể chuyện sau | - Hát  - 2 HS lên kể  - 2 HS lên kể  - HS xung phong  - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS quan sát chia sẻ theo cặp  - HS đoán ND câu chuyện  - HS lắng nghe giới thiệu  - HS lắng nghe  + HS lắng nghe GV kể  + HS lắng nghe và quan sát tranh  + HS lắng nghe và quan sát tranh  + HS nối tiếp nhau trả lời (mỗi bức tranh 2 HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - 1 HS trả lời câu hỏi ở cả 6 tranh.  \* HS tự chọn 2 tranh và tập kể theo tranh.  - HS xung phong lên kể cặp tranh mình đã chọn.  - HS theo dõi và chọn ô cửa sổ mình thích.  - HS nhìn hình minh họa và kể lại chuyện.  - HS xung phong kể  \* HS xung phong lên kể chuyện  - Câu chuyện khuyên chúng ta: Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người biết quan tâm đến nhau.  - HS lắng nghe. |

-------------------------------------------------------------

*Chiều:*

Toán

**LUYỆN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.

- Biết sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 10.

**2. Năng lực cần đạt:**

- Thực hành sử dụng các dấu (>, <, =) để so sánh các số trong phạm vi 5. (Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học)

- Phát triển các năng lực toán học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm học, kiên trì trong học tập.

**II. Chuẩn bị:**

- 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5,

- 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu (>, <, =).

**II. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Mở đầu:**  - Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm.  - Nhận xét | - HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì? |
| **2. Hình thành kiến thức mới:**  *Bài 1: >, <, =* |  |
| - Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất. | - HS quan sát  - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở. |
| - Nhận xét, tuyên dương | - Đối vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 2: >, <, =*  - Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số.  -Nhận xét, tuyên dương | - HS thực hiện  - Đổi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm. |
| *Bài 3. Xếp các số sau:*  - Thực hiện. | - Thực hiện bài tập  a)Theo thứ tự từ bé đến lớn: 4, 5, 8  b)Theo thứ tự từ lớn đến bé: 8, 5, 4 |
| - Nhận xét, tuyên dương |  |
| 3. Vận dụng  *Bài 4: Bạn nào có ít viên bi nhất?*  - Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? | - Bức tranh vẽ gì?  - HS thực hiện |
| - GV nhận xét |  |

----------------------------------------------------------

Tiếng Việt

**BÀI 21: ÔN TẬP**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo đúng quy tắc chính tả: c, g + a, o, ô, ơ,... / k + e, ê, i, ia / gh + e, ê, i.

- Đọc đúng bài Tập đọc *Bi ở nhà.*

**1.2. Phát triển năng lực văn học.**

- Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài đọc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Bảng ghép âm để HS làm BT 1.

- 3 thẻ từ, mỗi thẻ viết 1 câu ở BT3 để HS làm BT điền chữ trước lớp.

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| **1. Khởi động**  - GV gọi HS đọc bài âm n, nh  **2. Luyện tập**  Bài 1: Ghép các âm đã học thành tiếng  - GV đưa lên bảng lớp mô hình ghép âm; nêu YC.  - GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc,  - GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang,  - GV chỉ chữ  + Không có *ce, cê, ci, cia*  + Không có *ka, ko, kô, cơ*  + Không có *ge, gê, gi, gia*  + Không có *gha, gho, ghâ, ghơ, ghia*  Bài 2: Tập đọc  - GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về việc Bi dỗ em bé giúp mẹ.  + Luyện đọc từ ngữ:  - GV đọc mẫu.  + Luyện đọc câu  - GV: Bài có 7 câu.  - GV chỉ từng câu .  - GV chốt đáp án: 1) Bé *kể.* 2 Cò mò *cá.* 3) Nhà có *ghế gỗ.*  - Thi đọc đoạn, bài (theo cặp, tổ). (Chia bài làm 2 đoạn đọc: 2 câu / 5 câu).  Cuối cùng,  Bài 3: Em chọn chữ nào?  - GV đưa lên bảng 3 thẻ từ, nêu YC của BT.  3. Vận dụng  - Đọc lại bài tập đọc vừa học.  - Về nhà đọc lại bài, chuẩn bị bài mới. | - 2 HS đọc bài  - Làm việc cả lớp - Lướt nhanh)  - Cả lớp đọc: c, k, g, gh, a, o, ơ, ô, e, ê, i, ia.  Cả lớp đồng thanh ghép (miệng) từng tiếng theo cột ngang:  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, ĐT, tổ, cá nhân.  - Đọc tiếp nối từng câu  - Từng cặp đọc bài.  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.  - 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả c / k, g / gh.  - HS làm bài  - 3 HS điền chữ vào 3 thẻ trên bảng lớp.  - Cả lớp đọc kết quả. / HS sửa bài theo đáp án (nếu làm sai).  - HS đọc bài |

--------------------------------------------------------------

Hoạt động trải nghiệm (3)

**SINH HOẠT LỚP**

**CHIA SẺ ĐIỀU EM HỌC ĐƯỢC TỪ CHỦ ĐỀ “TRƯỜNG TIỂU HỌC”**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Quan sát và chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của bản thân trong ngày tết Trung thu.

- Tự nhận xét và đánh giá bản thân về những điều đã đạt được sau khi tham gia

các hoạt động của chủ đề “Trường tiểu học”

**II. Chuẩn bị:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** | ***Hoạt động của học sinh*** |
| 1.Ổn định: Hát  2. Các bước sinh hoạt:  2.1. Nhận xét trong tuần 4  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+ Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  - GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  *2.2.Phương hướng tuần 5*  - Thực hiện dạy tuần 5, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  *2.3. Chia sẻ những điều em học được từ chủ đề “Trường Tiểu học”.*  - Giáo viên tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi về những hoạt động và cảm xúc khi tham gia lễ hội tết Trung thu.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của HS khi tham gia lễ hội tết Trung thu.  - Tổ chức cho HS tự đánh giá những điều đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề “Trường tiểu học”  + Em thích hoạt động nào nhất trong chủ đề này? Tại sao?  + Sau chủ đề này, em đã làm được điều gì?  + Em thích những nơi nào trong trường học?  + Em đã làm gì để giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp?  + Em đã làm gì để vui chơi an toàn?. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.    - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Chia cặp theo bàn. Thảo luận  - Lần lượt các cặp lên chia sẻ.  - HS tự đánh giá bản thân. |

------------------------------------------------Hết tuần 4------------------------------------------